BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự Do – Hạnh phúc
Số: 1955 / QĐ-BGDĐT	
	Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;

Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;

Xét đề nghị của Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về việc bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư cho 608 nhà giáo có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các Phó giáo sư được bổ nhiệm theo danh sách tại Điều 1 của Quyết định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (phối hợp thực hiện);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Cục NGCBQLGD.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thiện Nhân

Nguyễn Thiện Nhân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CÁC NHÀ GIÁO ĐƯỢC BỔ NHIỆM CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Kèm theo Quyết định số 1955 /QĐ-BGDĐT, ngày 17 tháng 5 năm 2010, của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
1	Lê Văn Toàn	23-07-1955	Nam	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Âm nhạc	Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
2	Nguyễn Bình Ban	08-09-1957	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
3	Phan Đức Dư	14-09-1951	Nam	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
4	Trần Xuân Dung	20-10-1957	Nam	Hưng Nguyên, Nghệ An	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
5	Phạm Dũng	06-03-1956	Nam	Ân Thi, Hưng Yên	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
6	Nguyễn Hồng Hải	07-11-1958	Nam	Phú Thọ	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
7	Nguyễn Xuân Hiến	27-05-1958	Nam	Tiên Du, Bắc Ninh	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
8	Tô Lâm	10-07-1957	Nam	Văn Giang, Hưng Yên	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
9	Trần Xuân Ngọ	07-01-1954	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
10	Phí Đức Tuấn	21-08-1959	Nam	Thanh Ba, Phú Thọ	Khoa học An ninh	Học viện An ninh Nhân dân, Bộ Công An
11	Hoàng Anh	22-10-1966	Nam	Phúc Thọ, Hà Nội	Ngôn Ngữ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
12	Bùi Kim Đỉnh	19-05-1950	Nam	Hải Hậu, Nam Định	Lịch sử	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
13	Lưu Văn An	13-10-1962	Nam	Gia Bình, Bắc Ninh	Chính trị học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
14	Trần Thị Anh Đào	01-09-1963	Nữ	Phù Cát, Bình Định	Chính trị học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
15	Phạm Xuân Mỹ	10-08-1950	Nam	Thái Thuỵ, Thái Bình	Chính trị học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
16	Trương Ngọc Nam	08-09-1959	Nam	Hoằng Hoá, Thanh Hoá	Triết học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
17	Đinh Thị Thuý Hằng	01-05-1959	Nữ	Thành phố Hải Dương, Hải Dương	Văn hoá	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
18	Trần Hữu Sâm	12-07-1957	Nam	Đông Triều, Quảng Ninh	Khoa học Quân sự	Học viện Biên phòng, Bộ Quốc phòng
19	Trần Xuân Tịnh	08-09-1950	Nam	Hải Hậu, Nam Định	Khoa học Quân sự	Học viện Biên phòng, Bộ Quốc phòng
20	Đường Minh Giới	13-04-1959	Nam	Hà Trung, Thanh Hóa	Khoa học An ninh	Học viện Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công An
21	Nguyễn Văn Lan	28-08-1956	Nam	Diễn Châu, Nghệ An	Khoa học An ninh	Học viện Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công An
22	Bùi Minh Thanh	19-05-1959	Nam	Kiến Xương, Thái Bình	Khoa học An ninh	Học viện Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công An
23	Lê Duy Chương	10-10-1959	Nam	Quảng Xương, Thanh Hóa	Khoa học Quân sự	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng
24	Phạm Đức Nhuấn	18-07-1954	Nam	Hoa Lư, Ninh Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng
25	Nguyễn Văn Thắng	18-05-1957	Nam	Hà Trung, Thanh Hóa	Khoa học Quân sự	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng
26	Nguyễn Văn Thế	03-09-1960	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Khoa học Quân sự	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng
27	Vũ Quang Tạo	20-05-1957	Nam	Tiền Hải, Thái Bình	Triết học	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng
28	Lê Thị Thuỷ	15-12-1962	Nữ	Triệu Sơn, Thanh Hoá	Triết học	Học viện Chính trị-Hành chính khu vực I, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
29	Hoàng Đăng Hải	05-09-1960	Nam	Đồ Sơn, Hải Phòng	Điện Tử	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
30	Bùi Trung Hiếu	18-02-1955	Nam	Tiền Hải, Thái Bình	Điện Tử	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
31	Lê Hữu Lập	30-05-1954	Nam	Hoa Lư, Ninh Bình	Điện Tử	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
32	Hoàng Minh	28-12-1969	Nam	Triệu Hải, Quảng Trị	Điện Tử	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam
33	Vũ Duy Yên	17-02-1950	Nam	Kim Bảng, Hà Nam	Tâm lý học	Học viện Hành chính, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
34	Trần Thị Cúc	21-06-1955	Nữ	Giao Thuỷ, Nam Định	Luật học	Học viện Hành chính, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
35	Nguyễn Ngọc Đào	25-02-1954	Nam	Diễn Châu, Nghệ An	Lịch sử	Học viện Hành chính, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
36	Khúc Văn Phú	22-09-1968	Nam	Thạch Thất, Hà Nội	Cơ học	Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng
37	Hà Nguyên Cát	26-03-1956	Nam	Gia Viễn, Ninh Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng
38	Trần Như Chủ	13-07-1955	Nam	Gia Viễn, Ninh Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng
39	Thiều Sỹ Đăng	19-04-1956	Nam	Đông Sơn, Thanh Hóa	Khoa học Quân sự	Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng
40	Phạm Đức Dũng	23-12-1962	Nam	An Lão, Hải Phòng	Khoa học Quân sự	Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng
41	Vũ Đăng Hiến	20-06-1954	Nam	Nghi Lộc, Nghệ An	Khoa học Quân sự	Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng
42	Phạm Thế Phiệt	23-02-1955	Nam	Thái Thuỵ, Thái Bình	Cơ khí - Động lực/ Cơ khí Quốc phòng	Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng
43	Trần Xuân Nam	08-09-1971	Nam	Hà Trung, Thanh Hoá	Điện Tử	Học viện Kỹ thuật Quân sự, Bộ Quốc phòng
44	Ngô Hà Sơn	09-01-1959	Nam	Đáp Cầu, Bắc Ninh	Giao thông - Vận tải	Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng
45	Nguyễn Trọng Dân	14-07-1951	Nam	Yên Mô, Ninh Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng
46	Đào Thanh Tĩnh	19-08-1956	Nam	Khoái Châu, Hưng Yên	Tin học	Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng
47	Trần Xuân Bảng	08-12-1954	Nam	Ý Yên, Nam Định	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
48	Trần Văn Bộ	12-06-1955	Nam	Tiền Hải, Thái Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
49	Nguyễn Văn Công	22-05-1957	Nam	Ý Yên, Nam Định	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
50	Hồ Sơn Đài	02-03-1955	Nam	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
51	Lê Anh Điều	03-05-1954	Nam	Quảng Trạch, Quảng Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
52	Vũ Đức Hinh	16-04-1952	Nam	Yên Mô, Ninh Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
53	Mai Ngọc Hợp	15-04-1959	Nam	Nga Sơn, Thanh Hóa	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
54	Nguyễn Lương Mão	28-08-1958	Nam	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
55	Nguyễn Văn Minh	30-11-1955	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
56	Phan Đình Thiên	23-10-1956	Nam	Lộc Hà, Hà Tĩnh	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
57	Nguyễn Đức Tỉnh	22-01-1955	Nam	Duy Tiên, Hà Nam	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
58	Nguyễn Văn Tuyết	14-04-1957	Nam	Hà Trung, Thanh Hóa	Khoa học Quân sự	Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng
59	Tô Ngọc Hưng	09-01-1955	Nam	Quế Võ, Bắc Ninh	Tài chính Ngân hàng	Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
60	Lê Thị Tuấn Nghĩa	23-05-1960	Nữ	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Tài chính Ngân hàng	Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
61	Tô Kim Ngọc	09-11-1959	Nữ	Tiền Hải, Thái Bình	Tài chính Ngân hàng	Học viện Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
62	Nguyễn Hồng Thao	01-12-1957	Nam	Đông Hưng, Thái Bình	Luật học	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao
63	Nguyễn Thái Yên Hương	4/8/1962	Nữ	Yên Thành, Nghệ An	Lịch sử	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao
64	Tạ Minh Tuấn	19-11-1974	Nam	Việt Trì, Phú Thọ	Chính trị học	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao
65	Nguyễn Vũ Tùng	07-10-1963	Nam	Quế Võ, Bắc Ninh	Chính trị học	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao
66	Phạm Đình Chiến	01-10-1954	Nam	Khoái Châu, Hưng Yên	Khoa học Quân sự	Học viện Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
67	Lê Chí Thanh	20-05-1955	Nam	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Nghệ thuật chiến dịch/ Khoa học Quân sự	Học viện Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng
68	Nguyễn Vũ Nhân	13-12-1959	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Vật lý lý thuyết và Vật lý - Toán/ Vật lý	Học viện Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng
69	Ngô Quang Sơn	18-07-1958	Nam	Phù Cừ, Hưng Yên	Giáo dục học	Học viện Quản lý Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo
70	Trương Văn Châu	15-06-1955	Nam	Sầm Sơn, Thanh Hóa	Sinh học	Học viện Quản lý Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo
71	Hoàng Mạnh An	19-12-1955	Nam	Ý Yên, Nam Định	Phẫu thuật tiêu hóa	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
72	Lê Văn Bào	19-05-1956	Nam	Yên Định, Thanh Hóa	Vệ sinh XHH và t/c y tế	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
73	Nguyễn Thị Thanh Chò	14-08-1955	Nữ	Mê Linh, Hà Nội	Dinh dưỡng	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
74	Nguyễn Minh Hiện	14-02-1954	Nam	Lương Tài, Bắc Ninh	Nội Thần kinh	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
75	Trịnh Thị Xuân Hòa	02-05-1955	Nữ	Thanh Trì, Hà Nội	Nội các bệnh truyền nhiễm	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
76	Nguyễn Tùng Linh	12-02-1967	Nam	Thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Y học lao động và bệnh NN	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
77	Hoàng Công Minh	10-01-1953	Nam	Lâm Thao, Phú Thọ	Y học hạt nhân	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
78	Phan Việt Nga	01-09-1962	Nữ	Thanh Ba, Phú Thọ	Nội Thần kinh	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
79	Phạm Đăng Ninh	30-11-1957	Nam	Thường Tín, Hà Nội	Phẫu thuật chỉnh hình	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
80	Nguyễn Oanh Oanh	31-05-1962	Nữ	Nghi Lộc, Nghệ An	Tim mạch	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
81	Ngô Văn Thắng	17-02-1950	Nam	Kim Sơn, Ninh Bình	Răng Hàm Mặt	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
82	Trần Việt Tú	01-01-1956	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Nội Tiêu hóa	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
83	Nguyễn Ngọc Tuấn	05-11-1964	Nam	Ứng Hòa, Hà Nội	Bỏng và thảm họa	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
84	Đào Xuân Vinh	16-05-1951	Nam	Thành phố Vinh, Nghệ An	Dịch tễ	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng
85	Nguyễn Văn Xuyên	01-06-1960	Nam	Đan Phượng, Hà Nội	Phẫu thuật tiêu hóa	Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
86	Lê Bình	06-05-1955	Nam	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
87	Dương Văn Bóng	20-02-1952	Nam	Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
88	Cao Tiến Hinh	20-05-1952	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
89	Lê Hồng Thái	07-08-1959	Nam	Thành phố Phủ Lý, Hà Nam	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
90	Hoàng Quốc Trình	28-02-1956	Nam	Hưng Hà, Thái Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
91	Nguyễn Văn Vinh	11-06-1958	Nam	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
92	Trần Nam Chuân	02-09-1950	Nam	Kiến Xương, Thái Bình	Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
93	Ma Đức Khải	23-08-1964	Nam	Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ	Khoa học quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
94	Trương Minh Tạo	27-02-1955	Nam	Diễn Châu, Nghệ An	Chiến lược quân sự/ Khoa học quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
95	Trịnh Thanh Liêm	03-01-1957	Nam	Nga Sơn, Thanh Hóa	Chiến lược quân sự/ Khoa học Quân sự	Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng
96	Đỗ Thị Phi Hoài	24-10-1962	Nữ	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
97	Phạm Văn Liên	06-01-1959	Nam	Kim Thành, Hải Dương	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
98	Bùi Đường Nghiêu	11-05-1961	Nam	Ý Yên, Nam Định	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
99	Phạm Đình Phùng	26-07-1951	Nam	Vụ Bản, Nam Định	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
100	Lê Hùng Sơn	28-02-1964	Nam	Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
101	Nguyễn Văn Tạo	20-07-1950	Nam	Vĩnh Linh, Quảng Trị	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
102	Đào Văn Thành	30-12-1958	Nam	Yên Mỹ, Hưng Yên	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
103	Phạm Thị Kim Vân	15-03-1962	Nữ	Thái Thụy, Thái Bình	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
104	Nguyễn Thị Thương Huyền	22-05-1963	Nữ	Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Luật học	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
105	Thịnh Văn Vinh	20-06-1963	Nam	Nga Sơn, Thanh Hóa	Kinh tế	Học viện Tài chính, Bộ Tài chính
106	Nguyễn Văn Giang	24-06-1959	Nam	Hải Hậu, Nam Định	Chính trị học	Học viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
107	Lê Kim Việt	19-08-1952	Nam	Thiệu Hoá, Thanh Hoá	Chính trị học	Học viện xây dựng Đảng, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
108	Lê Thị Thu Thuỷ	02-10-1970	Nữ	Hoằng Hoá, Thanh Hoá	Luật học	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
109	Đinh Dũng Sỹ	24-05-1962	Nam	Nho Quan, Ninh Bình	Luật học	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
110	Phạm Công Nhất	01-09-1963	Nam	Quảng Xương, Thanh Hoá	Triết học	Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội
111	Võ Trung Hùng	20-01-1968	Nam	Thăng Bình, Quảng Nam	Tin học	Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
112	Trần Thanh Hải Tùng	03-09-1962	Nam	An Lão, Bình Định	Động lực	Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
113	Ngô Văn Dưỡng	12-12-1961	Nam	Mô Đức, Quảng Ngãi	Điện	Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
114	Đỗ Văn Nhơn	09-12-1962	Nam	Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	Tin học	Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
115	Hà Việt Dũng	10-10-1955	Nam	Gia Lâm, Hà Nội	Khoa học An ninh	Trường Đại học An ninh Nhân dân, Bộ Công An
116	Đặng Văn Đoài	20-10-1960	Nam	Tứ Kỳ, Hải Dương	Khoa học An ninh	Trường Đại học An ninh Nhân dân, Bộ Công An
117	Trần Văn Lang	09-09-1957	Nam	Can Lộc, Hà Tĩnh	Khoa học An ninh	Trường Đại học An ninh Nhân dân, Bộ Công An
118	Võ Văn Hường	02-10-1951	Nam	Diễn Châu, Nghệ An	Động lực	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
119	Phan Bùi Khôi	02-06-1963	Nam	Hưng Nguyên, Nghệ An	Cơ khí	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
120	Hoàng Đình Long	30-06-1957	Nam	Nam Sách, Hải Dương	Động lực	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
121	Lê Anh Tuấn	21-10-1975	Nam	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Cơ khí	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
122	Nguyễn Văn Đức	01-08-1973	Nam	Hà Trung, Thanh Hoá	Điện Tử	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
123	Nguyễn Văn Khang	23-08-1959	Nam	Từ Sơn, Bắc Ninh	Điện Tử	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
124	Tạ Cao Minh	08-04-1962	Nam	Yên Mô, Ninh Bình	Tự Động Hoá	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
125	Nguyễn Hữu Thanh	03-10-1971	Nam	Hải Lăng, Quảng Trị	Điện Tử	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
126	Trần Văn Tớp	20-05-1961	Nam	Nghĩa Hưng, Nam Định	Điện	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
127	Vũ Văn Yêm	29-10-1975	Nam	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Điện Tử	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
128	Huỳnh Đăng Chính	08-02-1972	Nam	Tây Sơn, Bình Định	Hóa học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
129	Quản Lê Hà	22-10-1967	Nữ	Văn Giang, Hưng Yên	Công nghệ thực phẩm	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
130	Đặng Xuân Hiển	01-01-1965	Nam	Yên Dũng, Bắc Giang	Hóa học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
131	Phạm Thanh Huyền	15-06-1974	Nữ	Ý Yên, Nam Định	Hóa học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
132	Hoàng Thị Kiều Nguyên	29-09-1970	Nữ	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Hóa học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
133	Lê Minh Thắng	09-05-1975	Nữ	Việt Trì, Phú Thọ	Hóa học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
134	Nguyễn Thị Minh Tú	27-08-1971	Nữ	An Nhơn, Bình Định	Công nghệ thực phẩm	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
135	Phạm Thị Hạnh	11-08-1958	Nữ	Lý Nhân, Hà Nam	Luyện kim	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
136	Đặng Văn Hảo	07-01-1951	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Luyện kim	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
137	Hoàng Thị Bích Thủy	05-09-1971	Nữ	Xuân Thủy, Nam Định	Luyện kim	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
138	Nguyễn Thị Kim Anh	22-10-1965	Nữ	Ba Đình, Hà Nội	Tin học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
139	Trịnh Văn Loan	20-05-1956	Nam	Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Tin học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
140	Nguyễn Thị Bạch Kim	12-09-1961	Nữ	Hạ Long, Quảng Ninh	Toán học	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
141	Nguyễn Phúc Dương	20-08-1971	Nam	Thừa Thiên Huế	Vật lý	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
142	Phó Thị Nguyệt Hằng	12-04-1965	Nữ	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	Vật lý	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
143	Nguyễn Văn Hiếu	16-04-1972	Nam	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Vật lý	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
144	Nguyễn Anh Tuấn	28-06-1958	Nam	Yên Mỹ, Hưng Yên	Vật lý	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
145	Nguyễn Thị Bảy	07-12-1962	Nữ	Điện Bàn, Quảng Nam	Cơ học	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
146	Hoàng Đình Chiến	17-04-1955	Nam	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Điện Tử	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
147	Phan Quốc Dũng	11-08-1967	Nam	Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Điện	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
148	Trịnh Văn Dũng	26-01-1962	Nam	Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Hóa học	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
149	Phan Thanh Sơn Nam	09-10-1977	Nam	Xuyên Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu	Hóa học	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
150	Ngô Mạnh Thắng	07-05-1963	Nam	Tiên Sơn, Bắc Ninh	Hóa học	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
151	Lê Nguyễn Hậu	08-03-1961	Nam	Tân Trụ, Long An	Kinh tế	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
152	Nguyễn Văn Dán	11-07-1954	Nam	Nam Sách, Hải Dương	Luyện kim	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
153	Nguyễn Ngọc Hà	14-09-1958	Nam	Gò Công Đông, Tiền Giang	Luyện kim	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
154	Võ Phán	02-06-1954	Nam	Trà Bồng, Quảng Ngãi	Thủy lợi	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
155	Nguyễn Thị Kim Đông	24-08-1956	Nữ	Ninh Kiều, Cần Thơ	Chăn nuôi	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
156	Trần Ngọc Hải	22-12-1969	Nam	Châu Thành, Long An	Thuỷ sản	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
157	Trần Thị Thanh Hiền	25-11-1965	Nữ	Hồng Dân, Bạc Liêu	Thuỷ sản	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
158	Nguyễn Văn Hoà	04-04-1961	Nam	Châu Thành, Cần Thơ	Thuỷ sản	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
159	Dương Nhựt Long	10-12-1959	Nam	Lai Vung, Đồng Tháp	Thuỷ sản	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
160	Bùi Xuân Mến	18-03-1951	Nam	Phù Cừ, Hưng Yên	Chăn nuôi	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
161	Vũ Ngọc Út	07-09-1969	Nam	Ý Yên, Nam Định	Thuỷ sản	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
162	Hà Thanh Toàn	15-01-1963	Nam	Châu Thành, Bến Tre	Công nghệ thực phẩm	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
163	Nguyễn Duy Cần	10-06-1962	Nam	Lagi, Bình Thuận	Nông nghiệp	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
164	Lê Việt Dũng	03-08-1960	Nam	Ninh Kiều, Cần Thơ	Nông nghiệp	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
165	Trần Văn Hâu	10-11-1958	Nam	Ninh Kiều, Cần Thơ	Nông nghiệp	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
166	Nguyễn Mỹ Hoa	24-07-1956	Nữ	Ninh Kiều, Cần Thơ	Nông nghiệp	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
167	Trần Thị Thu Thuỷ	29-08-1956	Nữ	Ninh Kiều, Cần Thơ	Nông nghiệp	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
168	Võ Thành Danh	17-07-1964	Nam	Ngã Năm, Sóc Trăng	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
169	Lưu Thanh Đức Hải	13-09-1964	Nam	Tam Bình, Vĩnh Long	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
170	Trương Đông Lộc	13-12-1972	Nam	Thị xã Vị Thanh, Hậu Giang	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
171	Võ Thị Thanh Lộc	20-05-1963	Nữ	Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
172	Mai Văn Nam	10-01-1964	Nam	Cái răng, Thành phố Cần Thơ	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
173	Lê Khương Ninh	28-09-1965	Nam	Long Mỹ, Hậu Giang	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
174	Dương Ngọc Thành	10-12-1956	Nam	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Kinh tế	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
175	Trần Thanh Ái	25-09-1954	Nam	Lấp Vò, Đồng Tháp	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
176	Trần Thị Cúc Hoà	30-03-1955	Nữ	Tuy Phước, Bình Định	Bảo vệ thực vật	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
177	Phạm Hồng Cử	10-10-1953	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Khoa học An ninh	Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công An
178	Phạm Quang Phúc	24-03-1958	Nam	Nam Đàn, Nghệ An	Khoa học An ninh	Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công An
179	Vũ Đức Trung	27-05-1959	Nam	Thanh Hà, Hải Dương	Khoa học An ninh	Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công An
180	Lê Thị Châu	30-03-1959	Nữ	Thiệu Hoá, Thanh Hoá	Luật học	Trường Đại học Công Đoàn, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
181	Dương Văn Sao	06-05-1953	Nam	Lục Lam, Bắc Giang	Chính trị	Trường Đại học Công Đoàn, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
182	Trương Vũ Bằng Giang	23-09-1973	Nam	Đồng Hới, Quảng Bình	Điện Tử	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
183	Bùi Thế Duy	09-05-1978	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Tin học	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
184	Nguyễn Việt Hà	12-08-1974	Nam	Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tin học	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
185	Bạch Gia Dương	10-01-1950	Nam	Hà Đông, Hà Nội	Vật lý	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
186	Đào Văn Hoằng	03-02-1952	Nam	Đông Anh, Hà Nội	Hóa học	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công thương

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
187	Trịnh Xuân Ngọ	26-09-1954	Nam	Kim Sơn, Ninh Bình	Nông nghiệp	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công thương
188	Phan Thị Hồng	10/15/1958	Nữ	Yên Thành, Nghệ An	Văn học	Trường Đại học Đà Lạt, Bộ Giáo dục và Đào tạo
189	Đỗ Đức Lưu	13-04-1962	Nam	Tứ Kỳ, Hải Dương	Tự động hoá	Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
190	Đặng Thị Xuân Mai	25-02-1959	Nữ	Hà Đông, Hà Nội	Tổ chức quản lý GTVT/GT-VT	Trường Đại học Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo
191	Bùi Ngọc Toàn	04-09-1968	Nam	Đề Thám, Thái Bình	Tổ chức quản lý GTVT/GT-VT	Trường Đại học Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo
192	Lê Mạnh Việt	26-04-1949	Nam	Thanh Ba, Phú Thọ	Phương tiện GTVT/ GT-VT	Trường Đại học Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo
193	Nguyễn Văn Long	30-04-1963	Nam	Hậu Lộc, Thanh Hóa	Tin học	Trường Đại học Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo
194	Nguyễn Đại An	14-02-1958	Nam	Móng Cái, Quảng Ninh	Cơ khí - Động lực	Trường Đại học Hàng hải , Bộ Giao thông vận tải
195	Lê Văn Học	18-01-1960	Nam	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Cơ khí - Động lực	Trường Đại học Hàng hải , Bộ Giao thông vận tải
196	Lưu Kim Thành	13-12-1954	Nam	Đồ Sơn, Hải Phòng	Giao thông - Vận tải	Trường Đại học Hàng hải , Bộ Giao thông vận tải
197	Nguyễn Viết Thành	04-10-1961	Nam	Sầm Sơn, Thanh Hoá	Giao thông - Vận tải	Trường Đại học Hàng hải , Bộ Giao thông vận tải
198	Phạm Văn Thứ	15-11-1954	Nam	Yên Mô, Ninh Bình	Giao thông - Vận tải	Trường Đại học Hàng hải , Bộ Giao thông vận tải
199	Lê Văn Trưởng	18-09-1958	Nam	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Khoa học Trái đất/ Địa lý	Trường Đại học Hồng Đức, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa
200	Nguyễn Văn Khiêm	06-08-1957	Nam	Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hoá	Vật lý	Trường Đại học Hồng Đức, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa
201	Trần Văn Thụy	12-11-1958	Nam	Gia Bình, Bắc Ninh	Sinh học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
202	Nguyễn Văn Vịnh	27-04-1966	Nam	Vũ Thư, Thái Bình	Sinh học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
203	Trần Văn Cúc	18-04-1950	Nam	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Cơ học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
204	Trần Thị Hồng	30-08-1964	Nữ	Nam Định	Hóa học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
205	Nguyễn Thị Bích Lộc	08-11-1963	Nữ	Yên Mỹ, Hưng Yên	Hóa học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
206	Tạ Thị Thảo	08-12-1973	Nữ	Hà Trung,Thanh Hóa	Hóa học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
207	Đỗ Quang Trung	23-09-1962	Nam	An Dương, Hải Phòng	Hóa học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
208	Đỗ Minh Đức	14-10-1974	Nam	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
209	Đồng Kim Loan	13-07-1955	Nữ	Kim Thành, Hải Dương	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
210	Nguyễn Đình Minh	26-07-1959	Nam	Từ Liêm, Hà Nội	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
211	Võ Thanh Quỳnh	30-09-1959	Nam	Diễn Châu, Nghệ An	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
212	Lê Văn Thiện	12-06-1971	Nam	Lệ Thủy, Quảng Bình	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
213	Trần Văn Tuấn	09-10-1968	Nam	Văn Lâm, Hưng Yên	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
214	Võ Thị Thương Lan	14-07-1961	Nữ	Can Lộc, Hà Tĩnh	Sinh học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
215	Nguyễn Hữu Điển	15-07-1951	Nam	Kiến Thụy, Hải Phòng	Toán học	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
216	Phạm Văn Bền	12-10-1951	Nam	Kim Động, Hưng Yên	Vật lý	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
217	Nguyễn Hoàng Hải	05-04-1973	Nam	Khoái Châu, Hưng Yên	Vật lý	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
218	Ngô Thu Hương	15-09-1966	Nữ	Long Biên, Hà Nội	Vật lý	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
219	Bùi Văn Loát	22-03-1958	Nam	Nam Trực, Nam Định	Vật lý	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
220	Nguyễn Diệu Liên Hoa	20-10-1957	Nữ	Vinh , Nghệ An	Hóa học- Công nghệ thực phẩm	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
221	Trần Lê Quan	01-07-1970	Nam	Thanh Bình, Đồng Tháp	Hóa học- Công nghệ thực phẩm	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
222	Nguyễn Đình Thúc	20-03-1967	Nam	Vĩnh Phúc	Tin học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
223	Hà Minh Hồng	13-07-1953	Nam	Đống Đa, Hà Nội	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
224	Nguyễn Tiến Lực	30-04-1957	Nam	Quảng Ninh, Quảng Bình	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
225	Thành Phần	17-04-1954	Nam	Ninh Hải, Ninh thuận	Dân tộc học	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
226	Đặng Văn Thắng	04-06-1954	Nam	Trà Ôn, Vĩnh Long	Khảo cổ học	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
227	Nguyễn Văn Huệ	20-10-1952	Nam	Cần Đước, Long An	Ngôn ngữ học	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
228	Nguyễn Văn Hiệu	29-12-1973	Nam	Ba Vì, Hà Nội	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
229	Lê Đình Chỉnh	21-07-1954	Nam	Bình Giang, Hải Dương	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
230	Đặng Xuân Kháng	19-07-1954	Nam	Nam Trực, Nam Định	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
231	Hoàng Khắc Nam	4/8/1962	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
232	Nguyễn Ngọc Thành	16-04-1949	Nam	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Triết học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
233	Nguyễn Anh Tuấn	11-08-1962	Nam	Kiến Xương, Thái Bình	Triết học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
234	Nguyễn Thị Thuý Vân	10-12-1962	Nữ	Kiến Xương, Thái Bình	Triết học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
235	Hoàng Mộc Lan	13-04-1956	Nữ	Hai Bà Trưng, Hà Nội	Tâm lý học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
236	Hoàng Anh Thi	13-12-1963	Nữ	Đô Lương, Nghệ An	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
237	Phan Phương Thảo	31-10-1962	Nữ	Lộc Hà, Hà Tĩnh	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
238	Đào Duy Hiệp	18-05-1953	Nam	Đông Anh, Hà Nội	Văn học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
239	Nguyễn Văn Hoà	28-12-1955	Nam	Triệu Phong, Quảng Trị	Triết học	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
240	Nguyễn Văn Canh	19-05-1954	Nam	Thành phố Vinh, Nghệ An	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
241	Võ Thị Mai Hương	09-02-1961	Nữ	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Sinh học	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
242	Trương Thị Bích Phượng	19-07-1964	Nữ	Đại Lộc, Quảng Nam	Sinh học	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
243	Hoàng Văn Hiển	02-08-1962	Nam	Hải Lăng, Quảng Trị	Lịch sử	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
244	Phan Nhật Tĩnh	02-01-1962	Nam	Nam Đàn, Nghệ An	Toán học	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
245	Nguyễn Mạnh Sơn	01-01-1961	Nam	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Vật lý	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
246	Nguyễn Đăng Đức	17-07-1950	Nam	Sóc Sơn, Hà Nội	Hóa phân tích/ Hóa học	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
247	Nguyễn Trọng Phượng	19-04-1949	Nam	Thanh Chương, Nghệ An	Xây dựng	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Bộ Xây dựng
248	Nguyễn Phương Thành	13-12-1949	Nam	Hoàn Kiếm, Hà Nội	Xây dựng	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Bộ Xây dựng
249	Nguyễn Hồng Tiến	29-04-1957	Nam	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Xây dựng	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Bộ Xây dựng
250	Phạm Thị Bích Chi	24-11-1968	Nữ	Tam Thanh, Phú Thọ	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
251	Phạm Đại Đồng	20-01-1953	Nam	Yên Khánh, Ninh Bình	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
252	Nguyễn Tiến Dũng	16-04-1958	Nam	Anh Sơn, Nghệ An	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
253	Nguyễn Thanh Hà	06-05-1962	Nam	Phù Cát, Bình Định	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
254	Trần Thị Vân Hoa	26-03-1967	Nữ	Triệu Hải, Quảng Trị	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
255	Nguyễn Đình Hòa	12-09-1959	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
256	Phạm Thúy Hương	02-05-1963	Nữ	Thị xã Hưng Yên, Hưng Yên	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
257	Phạm Ngọc Linh	18-04-1962	Nam	Bình Sơn, Quảng Ngãi	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
258	Nguyễn Thị Tuyết Mai	30-06-1962	Nữ	Đông Hưng, Thái Bình	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
259	Phan Thị Nhiệm	15-04-1965	Nữ	Mỏ Cày, Bến Tre	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
260	Nguyễn Thế Phán	26-04-1955	Nam	Thanh Thủy, Phú Thọ	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
261	Hoàng Xuân Quế	29-09-1967	Nam	Yên Thành, Nghệ An	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
262	Nguyễn Ngọc Sơn	18-12-1971	Nam	Hà Trung, Thanh Hóa	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
263	Nguyễn Thị Thanh Thủy	30-10-1960	Nữ	Thanh Trì, Hà Nội	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
264	Trần Việt Tiến	01-11-1959	Nam	Quảng Trạch, Quảng Bình	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo
265	Hồ Tiến Dũng	01-01-1960	Nam	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh/ Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
266	Vũ Thị Minh Hằng	16-08-1964	Nữ	Phú Thọ	Tài chính/ Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
267	Trương Thị Hồng	10-12-1965	Nữ	Mỏ Cày, Bến Tre	Ngân hàng/ Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
268	Trầm Thị Xuân Hương	15-01-1965	Nữ	Thành phố Trà Vinh, Trà vinh	Ngân hàng/ Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
269	Trần Thị Giang Tân	21-07-1958	Nữ	Quy Nhơn, Bình Định	Kế toán - Kiểm toán/ Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
270	Hà Xuân Thạch	27-03-1964	Nam	An Nhơn, Bình Định	Kế toán - Kiểm toán/ Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
271	Đỗ Quang Quý	06-07-1951	Nam	Khoái Châu, Hưng Yên	Kinh tế NN/ Kinh tế học	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
272	Đỗ Anh Tài	14-11-1971	Nam	Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Kinh tế NN/ Kinh tế học	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
273	Lâm Chí Dũng	16-11-1960	Nam	Triệu Phong, Quảng Trị	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
274	Nguyễn Ngọc Vũ	10-05-1969	Nam	Trà Bồng, Quảng Ngãi	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
275	Lê Hữu Ái	16-03-1960	Nam	Hưng Nguyên, Nghệ An	Triết học	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
276	Bùi Quang Bình	16-07-1959	Nam	Tây Sơn, Bình Định	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
277	Phùng Thị Hồng Hà	28-10-1956	Nữ	Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
278	Thái Thanh Hà	07-04-1963	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
279	Trịnh Văn Sơn	15-08-1962	Nam	Quảng Trạch, Quảng Bình	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
280	Bùi Dũng Thể	19-08-1964	Nam	Thanh Chương, Nghệ An	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
281	Hoàng Văn Hải	19-05-1966	Nam	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
282	Hà Văn Hội	05-10-1962	Nam	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
283	Trần Anh Tài	20-11-1957	Nam	Can Lộc, Hà Tĩnh	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
284	Nguyễn Xuân Thiên	05-05-1957	Nam	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
285	Nguyễn Quốc Tuấn	25-11-1969	Nam	Nga Sơn, Thanh Hoá	CN chế tạo máy/ Cơ khí	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
286	Nguyễn Văn Tuấn	30-07-1964	Nam	Duy Tiên, Hà Nam	Cơ học chất lỏng và khí/ Cơ học	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
287	Lê Thanh Hà	21-03-1968	Nam	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Kinh tế lao động/ Kinh tế	Trường Đại học Lao động - Xã hội, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
288	Nguyễn Bá Ngọc	06-12-1956	Nam	Hoàng Mai, Hà Nội	Kinh tế lao động/ Kinh tế	Trường Đại học Lao động - Xã hội, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
289	Nguyễn Thị Thuận	13-06-1959	Nữ	Thường Tín, Hà Nội	Kinh tế lao động/ Kinh tế	Trường Đại học Lao động - Xã hội, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
290	Nguyễn Minh Đoan	09-10-1955	Nam	Yên Khánh, Ninh Bình	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp
291	Nguyễn Thị Hồi	20-02-1956	Nữ	Thuận Thành, Bắc Ninh	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp
292	Hoàng Thị Minh Sơn	05-01-1955	Nữ	Giao Thuỷ, Nam Định	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp
293	Nguyễn Viết Tý	14-10-1954	Nam	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ Tư pháp
294	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	15-12-1960	Nữ	Châu Thành, Bến Tre	Kinh tế học	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
295	Trương Thị Hiền	25-12-1954	Nữ	Gò Công Đông, Tiền Giang	Kinh tế	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
296	Hoàng Văn Quý	25-10-1950	Nam	Tiên Lữ, Hưng Yên	Mỏ	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
297	Đào Văn Canh	10-12-1950	Nam	Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	Mỏ	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
298	Trần Thanh Hải	22-01-1965	Nam	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
299	Nguyễn Văn Lâm	12-01-1958	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
300	Bùi Xuân Nam	02-08-1974	Nam	Ý Yên, Nam Định	Mỏ	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
301	Trần Đình Trí	01-05-1953	Nam	Nam Trực, Nam Định	Khoa học Trái đất	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
302	Phùng Mạnh Đắc	10-10-1952	Nam	Gia Lâm, Hà Nội	Mỏ	Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo
303	Lý Hoàng Ánh	08-01-1964	Nam	Phù Cát, Bình Định	Kinh tế	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
304	Phan Văn Hoà	30-10-1956	Nam	Quế Sơn, Quảng Nam	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
305	Lưu Quý Khương	05-04-1960	Nam	Hội An, Quảng Nam	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
306	Trương Viên	25-11-1955	Nam	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
307	Phạm Ngọc Hàm	06-01-1959	Nam	Vụ Bản, Nam Định	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
308	Lưu Bá Minh	04-08-1954	Nam	Thanh Oai, Hà Nội	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
309	Phạm Thị Thật	02-03-1955	Nữ	Sơn Tây, Hà Nội	Văn học	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
310	Nguyễn Hoàng Ánh	21-05-1962	Nữ	Từ Liêm, Hà Nội	Kinh tế	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
311	Nguyễn Thanh Bình	19-10-1971	Nữ	Phú Xuyên, Hà Nội	Kinh tế	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
312	Phạm Thu Hương	30-06-1971	Nữ	Gia Lâm, Hà Nội	Kinh tế	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
313	Bùi Thị Lý	05-07-1972	Nữ	Triệu Phong, Quảng Trị	Kinh tế Quốc tế	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
314	Đặng Thị Nhàn	27-11-1970	Nữ	Thanh Oai, Hà Nội	Kinh tế	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
315	Nguyễn Đình Thọ	03-06-1974	Nam	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Kinh tế tài chính/ Kinh tế	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
316	Tăng Văn Nghĩa	08-01-1965	Nam	Thanh Hà, Hải Dương	Luật Kinh tế/ Luật học	Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
317	Nguyễn Đình Mão	24-10-1953	Nam	Thanh Chương, Nghệ An	Thuỷ sản	Trường Đại học Nha Trang, Bộ Giáo dục và Đào tạo
318	Lê Phước Lượng	25-09-1956	Nam	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Giáo dục học	Trường Đại học Nha Trang, Bộ Giáo dục và Đào tạo
319	Trương Vĩnh	11-05-1960	Nam	Hương Điền, Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
320	Dương Nguyên Khang	11-11-1964	Nam	Gò Công Tây, Tiền Giang	Chăn nuôi	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
321	Nguyễn Thị Lộc	30-12-1956	Nữ	Tuy Phước, Bình Định	Chăn nuôi	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
322	Nguyễn Tiến Vởn	11-03-1954	Nam	Nông Cống, Thanh Hoá	Chăn nuôi	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
323	Lê Văn An	19-05-1961	Nam	Vĩnh Linh, Quảng Trị	Chăn nuôi	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
324	Trần Thị Lệ	30-01-1961	Nữ	Quảng Trạch, Quảng Bình	Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
325	Dương Viết Tình	01-10-1955	Nam	Quảng Ninh, Quảng Bình	Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
326	Trần Tố	20-12-1949	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Chăn nuôi/ Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
327	Nguyễn Thế Hùng	16-05-1967	Nam	Yên Phong, Bắc Ninh	Trồng trọt/ Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
328	Đỗ Thị Lan	19-02-1972	Nữ	Phù Tiên, Hải Hưng	Trồng trọt/ Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
329	Trần Văn Con	07-05-1954	Nam	Quảng Trạch, Quảng Bình	Lâm nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
330	Lê Quốc Doanh	16-04-1962	Nam	Giao Thuỷ, Nam Định	Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
331	Võ Đại Hải	08-08-1964	Nam	Diễn Châu, Nghệ An	Lâm nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
332	Nguyễn Thị Kim Lý	19-07-1960	Nữ	Hoài Nhơn, Bình Định	Trồng trọt/ Nông nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
333	Nguyễn Hữu Nam	25-01-1955	Nam	Hưng Hà, Thái Bình	Thú y	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
334	Đặng Tiến Hoà	10-03-1955	Nam	Cẩm Khê, Phú Thọ	Cơ khí	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
335	Đỗ Hữu Quyết	11-01-1952	Nam	Từ Sơn, Bắc Ninh	Cơ khí	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
336	Trần Đình Chiến	20-09-1950	Nam	Hải Hậu, Nam Định	Bảo vệ thực vật	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
337	Phạm Văn Cường	10-10-1971	Nam	Nghĩa Hưng, Nam Định	Khoa học cây trồng	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
338	Đỗ Tấn Dũng	13-02-1955	Nam	Yên Phong, Bắc Ninh	Bảo vệ thực vật	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
339	Hồ Thị Thu Giang	30-10-1967	Nữ	Hương Sơn, Hà Tĩnh	Bảo vệ thực vật	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
340	Đỗ Nguyên Hải	19-02-1956	Nam	Long Biên, Hà Nội	Nông nghiệp	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
341	Nguyễn Khắc Thời	24-10-1954	Nam	Mê Linh, Hà Nội	Quản lý đất đai	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
342	Nguyễn Văn Viên	05-04-1954	Nam	Nam Sách, Hải Dương	Bảo vệ thực vật	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
343	Ngô Thị Xuyên	02-03-1955	Nữ	Kiến Xương, Thái Bình	Bảo vệ thực vật	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
344	Mai Thanh Cúc	23-12-1958	Nam	Lộc Hà, Hà Tĩnh	Kinh tế	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
345	Trần Hữu Cường	05-01-1962	Nam	Trực Ninh, Nam Định	Kinh tế	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
346	Nguyễn Hữu Ngoan	04-05-1952	Nam	Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng	Kinh tế	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
347	Nguyễn Tuấn Sơn	11-04-1960	Nam	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Kinh tế	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
348	Tô Long Thành	11-04-1959	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Thú y	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
349	Võ Viễn	23-09-1962	Nam	Triệu Phong, Quảng Trị	Hóa lý	Trường Đại học Quy Nhơn, Bộ Giáo dục và Đào tạo
350	Đinh Thanh Đức	28-02-1960	Nam	An Nhơn, Bình Định	Giải tích	Trường Đại học Quy Nhơn, Bộ Giáo dục và Đào tạo
351	Nguyễn Thị Hà Loan	15-06-1957	Nữ	Hà Đông, Hà Nội	Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Bộ Giáo dục và Đào tạo
352	Lưu Thị Kim Thanh	12-05-1959	Nữ	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Bộ Giáo dục và Đào tạo
353	Nguyễn Viết Chữ	15-04-1950	Nam	Kiến Xương, Thái Bình	PPDH bộ môn ngữ văn/ Giáo dục học-Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
354	Nguyễn Văn Cư	20-02-1953	Nam	Lý Nhân, Hà Nam	PPDH bộ môn GDCT/ Giáo dục học-Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
355	Nguyễn Như Hải	23-10-1953	Nam	Chương Mỹ, Hà Nội	PPDH bộ môn GDCT/ Giáo dục học-Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
356	Trần Trung Ninh	09-11-1961	Nam	Can Lộc, Hà Tĩnh	PPDH bộ môn Hóa/ Giáo dục học - Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
357	Hoàng Thị Phương	08-07-1959	Nữ	Yên Mô, Ninh Bình	Giáo dục học/ Giáo dục học - Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
358	Nguyễn Xuân Thành	21-01-1969	Nam	Xuân Ttrường, Nam Định	PPDH bộ môn Vật lý/ Giáo dục học - Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
359	Phạm Đức Roãn	24-04-1954	Nam	Thanh Hà, Hải Dương	Hóa vô cơ/ Hóa học - CNTP	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
360	Nguyễn Thị Sơn	11-11-1957	Nữ	Đáp Cầu, Bắc Ninh	Địa lý KT-XH/ KH Trái đất - Mỏ	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
361	Văn Ngọc Thành	16-10-1966	Nam	Hải Lăng, Quảng Trị	Lịch sử thế giới cận - hiện đại/ Lịch sử	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
362	Đào Tuấn Thành	19-03-1971	Nam	Dương Kinh, Hải Phòng	Lịch sử thế giới/ Lịch sử	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
363	Đàm Văn Nhỉ	18-03-1952	Nam	Kiến Xương, Thái Bình	Đại số và lý thuyết số/ Toán học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
364	Lê Văn Đoán	01-01-1954	Nam	Ý Yên, Nam Định	Triết học/ Triết học-XHH Chính trị học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
365	Trần Đăng Sinh	18-03-1954	Nam	Từ Liêm, Hà Nội	Triết học/ Triết học-XHH Chính trị học	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
366	Lê Viết Hoà	26-11-1955	Nam	Hoằng Hoá, Thanh hoá	Vật lý lý thuyết/ Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
367	Lục Huy Hoàng	10-11-1972	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	Vật lý chất rắn/ Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
368	Nguyễn Quang Học	02-05-1960	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Vật lý lý thuyết/ Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
369	Trần Minh Thi	24-03-1953	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Vật lý chất rắn/ Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
370	Ngô Tứ Thành	22-07-1958	Nam	Gio Linh, Quảng Trị	Lý luận và PPDH Kỹ thuật công nghiệp	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo
371	Nguyễn Hoài Sơn	13-03-1955	Nam	Tuy Phước, Bình Định	Cơ học	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
372	Nguyễn Văn Sức	23-08-1953	Nam	Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Hóa học	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
373	Phạm Lê Hoà	09-08-1955	Nam	Hải Phòng	Âm nhạc	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo
374	Trịnh Văn Biều	20-05-1952	Nam	Vũ Thư, Thái Bình	Giáo dục học	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
375	Lê Văn Hoàng	16-08-1962	Nam	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Vật lý	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
376	Huỳnh Trọng Khải	20-10-1959	Nam	Đồng Xuân, Phú Yên	Giáo dục thể chất	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
377	Nguyễn Anh Tuấn	19-07-1956	Nam	Q.Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Giáo dục thể chất	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
378	Phạm Văn Hai	30-12-1954	Nam	Quế Sơn, Quảng Nam	Hóa học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
379	Phùng Đình Mẫn	03-01-1960	Nam	Cam Lộ, Quảng Trị	Tâm lý học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
380	Nguyễn Đình Luyện	20-01-1965	Nam	Quảng Ninh, Quảng Bình	Hóa học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
381	Dương Tuấn Quang	10-10-1970	Nam	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Hóa học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
382	Trần Viết Khanh	23-12-1962	Nam	Vụ Bản, Nam Định	Địa lý tự nhiên/ Địa lý	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
383	Nguyễn Phúc Chỉnh	11-08-1962	Nam	Đại Từ, Thái Nguyên	Phương pháp dạy học sinh học/ Giáo dục học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
384	Vũ Thị Thái	20-11-1954	Nữ	Gia Lương, Bắc Ninh	Phương pháp dạy học Toán học/ Giáo dục học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
385	Phạm Hiến Bằng	22-12-1955	Nam	Tiên Lữ, Hưng Yên	Toán giải tích/ Toán học	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
386	Vũ Thị Kim Liên	18-12-1958	Nữ	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Vật lý chất rắn/ Vật lý	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
387	Trần Văn Huy	07-07-1956	Nam	Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Tây Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
388	Lương Kim Chung	22-06-1938	Nam	Phủ Lý, Hà Nam	Thể dục thể thao	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
389	Vũ Chung Thuỷ	01-07-1957	Nam	Hàm Yên, Tuyên Quang	Thể dục thể thao	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
390	Nguyễn Hiệp	29-04-1954	Nam	Vinh, Nghệ An	Thể dục thể thao	Trường Đại học Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
391	Lâm Quang Thành	03-01-1955	Nam	Châu Thành, Cần Thơ	Thể dục thể thao	Trường Đại học Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
392	Nguyễn Tiên Tiến	02-01-1961	Nam	Hai Bà Trưng, Hà Nội	Thể dục thể thao	Trường Đại học Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
393	Bùi Hữu Đức	24-02-1970	Nam	Kiến Xương, Thái Bình	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
394	Phan Thị Thu Hoài	20-02-1971	Nữ	Hương Sơn, Hà Tĩnh	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
395	Trần Thị Hồng Mai	21-05-1966	Nữ	Gia Lộc, Hải Dương	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
396	Vũ Đức Minh	17-08-1961	Nam	Thành phố Nam Định, Nam Định	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
397	Bùi Xuân Nhàn	03-01-1958	Nam	Xuân Trường, Nam Định	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
398	Lê Quân	13-08-1974	Nam	Bình Sơn, Quảng Ngãi	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
399	Hà Văn Sự	18-01-1970	Nam	Thành phố Thái Bình, Thái Bình	Kinh tế	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
400	Nguyễn Bá Minh	29-09-1953	Nam	Từ Liêm, Hà Nội	Toán	Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo
401	Lê Văn Hùng	15-04-1954	Nam	Thanh Oai, Hà Nội	Xây dựng công trình thủy lợi - Thủy điện/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
402	Nguyễn Quang Hùng	31-12-1975	Nam	Đông Anh, Hà Nội	Công trình thủy/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
403	Phạm Thị Hương Lan	05-02-1970	Nữ	Yên Phong, Bắc Ninh	Chỉnh trị sông/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
404	Đoàn Thế Lợi	21-08-1958	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Kinh tế và quản lý thủy lợi/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
405	Nguyễn Hồng Nam	05-03-1970	Nam	Kim Bảng, Hà Nam	Địa kỹ thuật/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
406	Lê Văn Nghị	09-11-1973	Nam	Kim Bảng, Hà Nam	Xây dựng công trình/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
407	Nguyễn Cảnh Thái	05-07-1965	Nam	Yên Thành, Nghệ An	Xây dựng công trình thủy lợi - Thủy điện/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
408	Đinh Vũ Thanh	18-03-1959	Nam	Ý Yên, Nam Định	Thủy nông/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
409	Trịnh Minh Thụ	07-01-1964	Nam	Xuân Ttrường, Nam Định	Địa kỹ thuật/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
410	Đỗ Tiến Lanh	01-08-1959	Nam	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Xây dựng công trình thủy lợi - Thủy điện/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
411	Vũ Thanh Ca	20-04-1958	Nam	Hải Hậu, Nam Định	Thủy văn- Thủy lực/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
412	Nguyễn Văn Hạnh	21-07-1959	Nam	Thuận Thành, Bắc Ninh	Thủy văn- Thủy lực/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
413	Hoàng Ngọc Quang	10-10-1953	Nam	Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Thủy văn tài nguyên nước/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
414	Bùi Xuân Thông	26-03-1949	Nam	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Khí tượng thủy văn biển - Thủy lực/ Thủy lợi	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
415	Trần Văn Bình	12-01-1954	Nam	Hưng Hà, Thái Bình	Văn hoá	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
416	Nguyễn Văn Cần	13-04-1951	Nam	Trực Ninh, Nam Định	Văn hoá	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
417	Đinh Thị Vân Chi	09-04-1961	Nữ	Gia Lộc, Hải Dương	Văn hoá	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
418	Nguyễn Văn Tiến	16-08-1953	Nam	Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Văn hoá	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
419	Chu Thị Thuỷ An	20-07-1970	Nữ	Can Lộc, Hà Tĩnh	Giáo dục học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
420	Nguyễn Thị Hường	15-04-1964	Nữ	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Giáo dục học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
421	Nguyễn Bá Minh	01-03-1964	Nam	Đô Lương, Nghệ An	Giáo dục học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
422	Lê Văn Năm	07-05-1953	Nam	Nghi Lộc, Nghệ An	Giáo dục học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
423	Nguyễn Đình Nhâm	15-02-1959	Nam	Hưng Nguyên, Nghệ An	Giáo dục học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
424	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	21-10-1967	Nữ	Phù Mỹ, Bình Định	Giáo dục học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
425	Hoàng Trọng Canh	01-09-1957	Nam	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
426	Ngô Đình Phương	03-09-1958	Nam	Anh Sơn, Nghệ An	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
427	Lê Đình Tường	06-01-1952	Nam	Yên Thành, Nghệ An	Ngôn Ngữ	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
428	Nguyễn Đình San	01-06-1953	Nam	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Sinh học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
429	Biện Văn Điền	12-05-1957	Nam	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Văn học	Trường Đại học Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo
430	Trương Quốc Thành	27-08-1952	Nam	Hưng Yên	Cơ khí-Động lực/ Cơ khí xây dựng	Trường Đại học Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
431	Lều Thọ Bách	19-04-1969	Nam	Thường Tín, Hà Nội	Xây dựng - Kiến trúc/ Kỹ thuật môi trường	Trường Đại học Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
432	Vũ Đình Đấu	03-01-1955	Nam	Vụ Bản, Nam Định	Xây dựng - Kiến trúc/ Vật liệu và Cấu kiện Xây dựng	Trường Đại học Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
433	Lê Nguyên Minh	10-10-1948	Nam	Mỹ Hào, Hưng Yên	Xây dựng - Kiến trúc/ Thông gió điều hòa không khí	Trường Đại học Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
434	Phạm Thọ Tuấn Anh	03-07-1953	Nam	Phù Ủng, Hưng Yên	Phẫu thuật tim mạch Lồng ngực/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
435	Phan Thị Danh	17-12-1954	Nữ	Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	Hóa sinh/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
436	Lê Anh Thư	12-12-1956	Nữ	Thanh Oai, Hà Nội	Nội khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
437	Trần Minh Trường	07-06-1961	Nam	Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	Tai mũi họng/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
438	Trần Thành Đạo	10-11-1964	Nam	Tây Sơn, Bình Định	Hóa dược/ Dược học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
439	Trần Cát Đông	21-10-1972	Nam	Xuyên Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu	Công nghệ sinh học/ Dược học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
440	Lê Hậu	14-02-1959	Nam	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Bào chế - Công nghiệp dược/ Dược học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
441	Huỳnh Văn Hóa	23-06-1953	Nam	Mỏ Cày, Bến Tre	Bào chế - Công nghiệp dược/ Dược học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
442	Võ Phùng Nguyên	15-01-1972	Nam	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dược lý/ Dược học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
443	Trần Thanh Nhãn	11-10-1958	Nam	Q.Bình Thạnh, Tp HCM	Hóa sinh/ Dược học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
444	Phạm Lê An	26-04-1963	Nam	Tam Bình, Vĩnh Long	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
445	Nguyễn Thị Thu Ba	11-03-1962	Nữ	Châu Thành, An Giang	Lao và Bệnh phổi/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
446	Lê Hồng Cẩm	12-09-1962	Nữ	Trảng Bàng, Tây Ninh	Phụ sản/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
447	Phạm Ngọc Chất	02-02-1961	Nam	Ninh Giang, Hải Dương	Tai mũi họng/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
448	Phan Hữu Nguyệt Diễm	20-09-1963	Nữ	Cần Giuộc, Long An	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
449	Đoàn Thị Ngọc Diệp	10-12-1962	Nữ	Cai Lậy, Tiền Giang	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
450	Phạm Thị Minh Hồng	03-06-1964	Nữ	Hàm Thuận, Bình Thuận	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
451	Đỗ Phước Hùng	01-06-1966	Nam	Long Xuyên, An Giang	Chấn thương - chỉnh hình/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
452	Nguyễn Duy Phong	29-08-1969	Nam	Tân Trụ, Long An	Bệnh truyền nhiễm và Dịch tễ học/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
453	Vũ Minh Phúc	09-08-1964	Nữ	Hà Nội	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
454	Ngô Thị Kim Phụng	14-08-1960	Nữ	Vĩnh Trạch, Bạc Liêu	Phụ sản/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
455	Bùi Quốc Thắng	24-08-1963	Nam	Q.6, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
456	Nguyễn Tất Thắng	06-07-1954	Nam	Nghĩa Hưng, Nam Định	Da liễu/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
457	Huỳnh Nguyễn Khánh Trang	18-08-1968	Nam	Thị xã Vĩnh Long, Vĩnh Long	Phụ sản/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
458	Nguyễn Văn Trí	15-03-1957	Nam	Phong Điền, Hậu Giang	Nội tim mạch/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
459	Quang Văn Trí	22-07-1950	Nam	Cầu Kè, Trà Vinh	Lao và Bệnh phổi/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
460	Trần Diệp Tuấn	18-05-1967	Nam	Châu Thành, Kiên Giang	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
461	Lý Văn Xuân	05-09-1953	Nam	Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Vi sinh/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
462	Nguyễn Tuấn Vinh	04-04-1961	Nam	Sài Gòn	Niệu/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
463	Nguyễn Thị Ngọc Dung	01-01-1958	Nữ	Triệu Hải, Quảng Trị	Tai mũi họng/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
464	Ngô Minh Xuân	14-11-1962	Nam	Binh Đại, Bến Tre	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Bộ Y tế
465	Nguyễn Đạt Anh	08-09-1959	Nam	Ba Đình, Hà Nội	Hồi sức cấp cứu/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
466	Nguyễn Văn Bàng	15-09-1952	Nam	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
467	Nguyễn Đại Bình	15-10-1957	Nam	Quảng Ninh, Quảng Bình	Ung thư/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
468	Trịnh Văn Đồng	05-01-1962	Nam	Ý Yên, Nam Định	Gây mê hồi sức/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
469	Phạm Huy Hiền Hào	28-02-1964	Nam	Ân Thi, Hưng Yên	Sản khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
470	Đỗ Thị Hòa	08-12-1954	Nữ	Từ Liêm, Hà Nội	Y tế công cộng/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
471	Lê Ngọc Hưng	26-08-1955	Nam	Kim Bảng, Hà Nam	Lao/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
472	Đinh Thị Thu Hương	11-06-1960	Nữ	Mỹ Lộc, Nam Định	Tim mạch/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
473	Lương Thị Minh Hương	10-11-1961	Nữ	Lý Nhân, Nam Định	Tai mũi họng/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
474	Trương Thanh Hương	07-08-1961	Nữ	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Tim mạch/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
475	Đỗ Thị Khánh Hỷ	02-09-1958	Nữ	Thường Tín, Hà Nội	Nội khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
476	Trần Bảo Long	27-09-1965	Nam	Kim Bảng, Hà Nam	Ngoại khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
477	Vũ Khắc Lương	08-04-1954	Nam	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Y tế công cộng/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
478	Nguyễn Ngọc Minh	15-05-1953	Nam	Lạng Giang, Bắc Giang	Sản khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
479	Lê Trần Ngoan	10-05-1964	Nam	Việt Yên, Bắc Giang	Y tế công cộng/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
480	Nguyễn Vĩnh Ngọc	30-09-1960	Nam	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Nội khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
481	Nguyễn Đình Phúc	20-05-1951	Nam	Khoái Châu, Hưng Yên	Tai mũi họng/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
482	Đặng Kim Thanh	26-10-1958	Nữ	Nam Trực, Nam Định	Y học cổ truyền/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
483	Nguyễn Hà Thanh	22-06-1968	Nam	Nam Đàn, Nghệ An	Huyết học/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
484	Trần Hoàng Thành	12-06-1952	Nam	Quảng Trạch, Quảng Bình	Nội khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
485	Nguyễn Thanh Thúy	21-03-1967	Nữ	Thanh Oai, Hà Nội	Miễn dịch - Sinh lý bệnh/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
486	Nguyễn Công Tô	20-06-1954	Nam	Thanh Thủy, Phú Thọ	Ngoại khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
487	Nguyễn Thị Trang	22-07-1953	Nữ	Gia Lâm, Hà Nội	Sinh học/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
488	Nguyễn Vũ Trung	25-01-1972	Nam	Từ Liêm, Hà Nội	Vi sinh/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
489	Nguyễn Quang Tuấn	05-01-1967	Nam	Thanh Oai, Hà Nội	Tim mạch/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
490	Nguyễn Quốc Tuấn	31-03-1963	Nam	Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
491	Nguyễn Viết Tiến	02-08-1959	Nam	Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Sản khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
492	Nguyễn Hữu Ước	10-01-1964	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	Ngoại khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
493	Bùi Văn Viên	01-03-1959	Nam	Lạc Sơn, Hòa Bình	Nhi khoa/ Y học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
494	Trần Chí Liêm	27-02-1950	Nam	An Biên, Kiên Giang	Y tế công cộng	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
495	Nguyễn Gia Bình	17-12-1957	Nam	Thanh Oai, Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
496	Đinh Thị Kim Dung	17-05-1958	Nữ	Lý Nhân, Hà Nam	Nội khoa	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
497	Trần Đình Hà	25-01-1959	Nam	Thành phố Đà Nẵng, Đà Nẵng	Y học hạt nhân	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
498	Lương Thúy Hiền	03-01-1960	Nam	Nghĩa Hưng, Nam Định	Thần kinh	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
499	Bế Hồng Thu	07-10-1960	Nữ	Hòa An, Cao Bằng	Hồi sức cấp cứu	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
500	Nguyễn Thị Thu Yên	19-08-1955	Nữ	Bình Lục, Hà Nam	Mắt	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
501	Nguyễn Xuân Hùng	13-01-1962	Nam	Ba Vì, Hà Nội	Ngoại khoa	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
502	Nguyễn Thanh Long	15-11-1959	Nam	Đống Đa, Hà Nội	Ngoại khoa	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
503	Vũ Nam	19-01-1965	Nam	Lương Tài, Bắc Ninh	Y học cổ truyền	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
504	Lê Văn Sơn	05-12-1955	Nam	Phú Lộc, Thừa Thiên	Răng hàm mặt	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
				Huế		
505	Bùi Thị Mai An	14-04-1958	Nữ	Từ Liêm, Hà Nội	Huyết học	Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế
506	Nguyễn Văn Mùi	08-05-1955	Nam	Lạng Giang, Bắc Giang	Y học	Trường Đại học Y Hải Phòng, Bộ Y tế
507	Phạm Văn Nhiên	06-06-1955	Nam	Đông Hưng, Thái Bình	Y học	Trường Đại học Y Hải Phòng, Bộ Y tế
508	Trần Quang Phục	12-05-1957	Nam	Nam Sách, Hải Dương	Y học	Trường Đại học Y Hải Phòng, Bộ Y tế
509	Phạm Huy Quyến	25-10-1961	Nam	Tiên Lãng, Hải Phòng	Y học	Trường Đại học Y Hải Phòng, Bộ Y tế
510	Nguyễn Quốc Hùng	20-01-1950	Nam	Ngô Quyền, Hải Phòng	Y học	Trường Đại học Y Hải Phòng, Bộ Y tế
511	Trần Công Toại	10-10-1964	Nam	Chợ Mới, An Giang	Y học	Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch, UBND Thành phố Hồ Chí Minh
512	Trần Văn Chương	08-04-1950	Nam	Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ	Phục hồi chức năng	Trường Đại học Y tế Công cộng, Bộ Y tế
513	Bùi Thị Thu Hà	17-11-1967	Nữ	Thành phố Nam Định, Nam Định	Y tế công cộng	Trường Đại học Y tế Công cộng, Bộ Y tế
514	Đinh Thị Phương Hòa	02-09-1954	Nữ	Hương Sơn, Hà Tĩnh	Y tế công cộng	Trường Đại học Y tế Công cộng, Bộ Y tế
515	Lê Cự Linh	20-06-1972	Nam	Yên Mô, Ninh Bình	Y tế công cộng	Trường Đại học Y tế Công cộng, Bộ Y tế
516	Nguyễn Thanh Long	03-09-1966	Nam	Giao Thủy, Nam Định	Y tế công cộng	Trường Đại học Y tế Công cộng, Bộ Y tế
517	Nguyễn Huy Nga	20-12-1954	Nam	Can Lộc, Hà Tĩnh	Sức khỏe môi trường-Bệnh nghề nghiệp	Trường Đại học Y tế Công cộng, Bộ Y tế
518	Lê Văn An	20-05-1961	Nam	Triệu Phong, Quảng Trị	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
519	Nguyễn Trường An	06-02-1963	Nam	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
520	Trương Quang Ánh	05-11-1952	Nam	Quảng Ninh, Quảng Bình	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
521	Trần Đình Bình	22-08-1962	Nam	Lệ Thủy, Quảng Bình	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
522	Hoàng Thị Thu Hương	16-09-1955	Nữ	Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
523	Nguyễn Vũ Quốc Huy	22-11-1969	Nam	Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
524	Hoàng Minh Lợi	28-11-1955	Nam	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
525	Phan Văn Năm	20-09-1959	Nam	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
526	Hoàng Văn Ngoạn	15-02-1952	Nam	Phù Ninh, Phú Thọ	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
527	Bùi Bỉnh Bảo Sơn	13-03-1969	Nam	Nam Trực, Nam Định	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
528	Võ Tam	15-07-1959	Nam	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
529	Nguyễn Văn Tập	10-11-1961	Nam	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
530	Lê Thị Bích Thuận	25-11-1959	Nữ	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
531	Phan Hùng Việt	22-10-1964	Nam	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
532	Nguyễn Văn Hỷ	15-03-1963	Nam	Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
533	Nguyễn Đình Sơn	03-08-1959	Nam	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
534	Trần Công Hòa	01-05-1948	Nam	Lạng Giang, Bắc Giang	Tai - Mũi - Họng/ Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
535	Trịnh Xuân Đàn	02-09-1959	Nam	Văn Giang, Hưng Yên	Giải phẫu/ Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
536	Trần Đức Quý	22-10-1957	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Ngoại khoa/ Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
537	Dương Hồng Thái	09-03-1962	Nam	Hưng Hà, Thái Bình	Nội khoa/ Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
538	Trịnh Xuân Tráng	10-08-1962	Nam	Gia Bình, Bắc Ninh	Nội khoa/ Y học	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo
539	Phạm Hoàng Hải	24-04-1952	Nam	Thái Thụy, Thái Bình	Khoa học Trái đất/ Địa lý tự nhiên tổng hợp	Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
540	Nguyễn Văn Lập	22-11-1959	Nam	Giồng Trôm, Bến Tre	Khoa học Trái đất/ Mỏ	Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
541	Mai Trọng Thông	03-09-1948	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Khoa học Trái đất/ Khí hậu môi trường	Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
542	Bùi Tá Long	12-04-1962	Nam	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Khoa học Trái đất	Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
543	Nguyễn Hữu Đồng	24-06-1952	Nam	Hà Đông, Hà Nội	Chính trị học	Viện Chính trị học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
544	Nguyễn Hoài Văn	10-10-1951	Nam	Hoa Lư, Ninh Bình	Chính trị học	Viện Chính trị học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
545	Nguyễn Thị Ngân	03-05-1957	Nữ	Thường Tín, Hà Nội	Triết học	Viện Chủ nghĩa xã hội Khoa học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
546	Nguyễn An Ninh	06-06-1957	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Triết học	Viện Chủ nghĩa xã hội Khoa học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
547	Phạm Đức Chính	13-05-1958	Nam	Nam Định	Cơ học/ Cơ học vật rắn	Viện Cơ học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
548	Đào Như Mai	10/4/1955	Nữ	Bình Lục, Hà Nam	Cơ học/ Cơ học vật rắn	Viện Cơ học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
549	Bùi Định Trí	04-11-1960	Nam	Kim Bảng, Hà Nam	Cơ học/ Cơ học chất lỏng, chất khí	Viện Cơ học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
550	Phạm Anh Tuấn	25-03-1961	Nam	Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Cơ học/ Cơ điện tử	Viện Cơ học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
551	Nguyễn Thị Thanh Bình	12-08-1954	Nữ	Thanh Liêm, Hà Nam	Nông nghiệp/ Dâu tằm tơ	Viện Công nghệ Sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
552	Phạm Việt Cường	03-10-1955	Nam	Tây Sơn, Bình Định	Sinh học/ Công nghệ sinh học	Viện Công nghệ Sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
553	Trần Đình Mấn	12-11-1952	Nam	Ý Yên, Nam Định	Sinh học/ Công nghệ sinh học	Viện Công nghệ Sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
554	Quyền Đình Thi	25-10-1964	Nam	Bình Lục, Hà Nam	Sinh học/ Hóa sinh	Viện Công nghệ Sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
555	Vương Xuân Tình	06-03-1956	Nam	Đông Anh, Hà Nội	Dân tộc học	Viện Dân tộc học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
556	Trần Trọng Hòa	15-01-1950	Nam	Lạng Giang, Bắc Giang	Khoa học Trái đất/ Thạch luận và sinh khoáng	Viện Địa chất, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
557	Vũ Cao Minh	10-01-1949	Nam	Hải Hậu, Nam Định	Khoa học Trái đất/ Địa chất công trình	Viện Địa chất, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
558	Kiều Qúy Nam	17-06-1949	Nam	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Khoa học Trái đất/ Địa chất hóa khoáng vật	Viện Địa chất, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
559	Trần Đức Thạnh	1/14/1954	Nam	Yên Hưng, Quảng Ninh	Khoa học Trái đất/ Địa chất	Viện Hải dương học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
560	Nguyễn Ngọc Lâm	16-05-1956	Nam	Hòa Vang, Đà Nẵng	Sinh học/ Thủy sinh vật học	Viện Hải dương học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
561	Võ Sỹ Tuấn	31-08-1959	Nam	Phù Cát, Bình Định	Sinh học	Viện Hải dương học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
562	Phan Văn Kiệm	27-12-1962	Nam	Xuân Trường, Nam Định	Hóa học/ Hóa thực phẩm	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
563	Đặng Tuyết Phương	16-04-1956	Nữ	Bắc Ninh	Hóa học/ Hóa vô cơ	Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
564	Trịnh Thị Thủy	28-08-1962	Nữ	Cẩm Thủy, Thanh Hóa	Hóa học/ Hóa hữu cơ	Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
565	Vũ Anh Tuấn	13-03-1958	Nam	Bình Giang, Hải Dương	Hóa học/ Hóa lý	Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
566	Nguyễn Văn Tuyến	04-10-1961	Nam	Nông Cống, Thanh Hóa,	Hóa học/ Hóa hữu cơ	Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
567	Trình Năng Chung	10-01-1954	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	Khảo cổ học	Viện Khảo cổ học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
568	Nguyễn Thế Hiếu	03-11-1962	Nam	Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Vô tuyến điện tử	Viện Khoa học Công nghệ Quân sự, Bộ Quốc phòng
569	Trần Đại Lâm	16-09-1971	Nam	Nam Đàn, Nghệ An	Hóa học/ Công nghệ thực phẩm, hóa vật liệu	Viện Khoa học Vật liệu, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
570	Nguyễn Văn Tích	20-08-1950	Nam	Lâm Thao, Phú Thọ	Luyện kim/ Luyện kim màu	Viện Khoa học Vật liệu, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
571	Nguyễn Huy Dân	08-11-1968	Nam	Ba Vì, Hà Nội	Vật lý/ Vật lý chất rắn	Viện Khoa học Vật liệu, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
572	Phạm Hồng Dương	01-09-1951	Nam	Lâm Thao, Phú Thọ	Vật lý/ Vật lý chất rắn	Viện Khoa học Vật liệu, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
573	Phạm Thái Quốc	07-12-1962	Nam	Đông Anh, Hà Nội	Kinh tế	Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
574	Bùi Quang Tuấn	31-03-1963	Nam	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
575	Nguyễn Hữu Đạt	05-09-1953	Nam	Đông Sơn, Thanh Hóa	Kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
576	Nguyễn Thị Như Hà	13-03-1957	Nữ	Lộc Hà, Hà Tĩnh	Kinh tế	Viện Kinh tế, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
577	Nguyễn Văn Hậu	30-05-1949	Nam	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Kinh tế	Viện Kinh tế, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
578	Phạm Thị Khanh	02-02-1963	Nữ	Vũ Thư, Thái Bình	Kinh tế	Viện Kinh tế, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
579	Lê Văn Cường	25-05-1950	Nam	Hoàng Mai, Hà Nội	Hóa học/ Hóa lý	Viện Kỹ thuật Nhiệt đới, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
580	Nguyễn Thị Phương Chi	20-12-1957	Nữ	Quốc Oai, Hà Nội	Lịch sử	Viện Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
581	Lê Trung Dũng	27-02-1951	Nam	Mỹ Hào, Hưng Yên	Lịch sử	Viện Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
582	Vũ Duy Mền	20-12-1951	Nam	Tiên Lữ, Hưng Yên	Lịch sử	Viện Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
583	Trương Sỹ Hùng	23-06-1954	Nam	Tiền Hải, Thái Bình	Văn học	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
584	Vũ Văn Khiên	22-08-1962	Nam	Trực Ninh, Nam Định	Nội Tiêu hóa	Viện Nghiên cứu khoa học Y-Dược lâm sàng 108, Bộ Quốc phòng
585	Nguyễn Trọng Lưu	29-06-1961	Nam	Long Biên, Hà Nội	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Viện Nghiên cứu khoa học Y-Dược lâm sàng 108, Bộ Quốc phòng
586	Nguyễn Tài Sơn	16-06-1958	Nam	Hưng Hà, Thái Bình	Phẫu thuật Hàm mặt và Tạo hình	Viện Nghiên cứu khoa học Y-Dược lâm sàng 108, Bộ Quốc phòng
587	Triệu Triều Dương	23-11-1963	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	Phẫu thuật tiêu hóa	Viện Nghiên cứu khoa học Y-Dược lâm sàng 108, Bộ Quốc phòng
588	Quách Sĩ Hùng	15-03-1950	Nam	Mê Linh, Hà Nội	Luật học	Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
589	Nguyễn Thị Việt Hương	19-08-1958	Nữ	Vụ Bản, Nam Định	Luật học	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
590	Phạm Văn Tỉnh	23-02-1953	Nam	Tiên Lãng, Hải Phòng	Luật học	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
591	Trần Hồng Liên	26-08-1953	Nữ	Q.Gò Vấp, Tp. HCM	Dân tộc học	Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
592	Trần Hữu Quang	14-10-1953	Nam	Vụ Bản, Nam Định	Xã hội học	Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
593	Bùi Chí Hoàng	05-02-1955	Nam	Hòa Vang, Đà Nẵng	Lịch sử	Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán (Huyện, tỉnh)	Ngành/ Chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học:
594	Nguyễn Thị Quế	05-12-1959	Nữ	Tam Điệp, Ninh Bình	Chính trị học	Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
595	Nguyễn Hữu Cát	20-03-1953	Nam	Ứng Hoà, Hà Nội	Chính trị học	Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
596	Phạm Văn Lực	06-08-1952	Nam	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Sinh học/ Động vật học	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
597	Lê Đình Thủy	22-01-1953	Nam	Ba Vì, Hà Nội	Sinh học/ Động vật học	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
598	Phan Thị Mai Hương	11-04-1963	Nữ	Triệu Phong, Quảng Trị	Tâm lý học	Viện Tâm lý học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
599	Phan Thành An	24-03-1969	Nam	Hưng Nguyên, Nghệ An	Toán học/ Tính toán khoa học	Viện Toán học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
600	Tạ Thị Hoài An	24-10-1972	Nữ	Nam Đàn, Nghệ An	Toán học/ Lý thuyết số	Viện Toán học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
601	Vũ Hồng Sơn	07-04-1959	Nam	Thạch Thất, Hà Nội	Triết học	Viện Triết học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
602	Đỗ Minh Hợp	06-07-1962	Nam	Thanh Ba, Phú Thọ	Triết học	Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
603	Lê Thị Hoài Phương	30-07-1958	Nữ	Vũ Quang, Hà Tĩnh	Sân Khấu	Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt nam, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
604	Bùi Quang Thanh	27-07-1955	Nam	Ý Yên, Nam Định	Văn hoá	Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt nam, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
605	Bùi Quang Thắng	25-07-1954	Nam	Nam Đàn, Nghệ An	Văn hoá	Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt nam, Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch
606	Doãn Minh Chung	09-05-1956	Nam	Cầu Giấy, Hà Nội	Vật lý/ Vật lý kỹ thuật	Viện Vật lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
607	Trịnh Thị Ngọc	20-11-1954	Nữ	Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Y học	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế
608	Tạ Thị Tuyết Bình	30-04-1955	Nữ	Khoái Châu, Hưng Yên	Sức khỏe nghề nghiệp/ Y học	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế

Danh sách này có 608 người ./.